Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 02: Mua xe ô tô chuyên dùng.

- Tên dự toán: Mua xe ô tô phục vụ công tác và xe ô tô chuyên dùng (xe gắn biển nhận biết - xe tập lái) phục vụ công tác đào tạo, sát hạch cấp phép lái xe của Trường Trung cấp giao thông vận tải thuộc Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 50 ngày

- Địa điểm cung cấp, bàn giao xe: Trường Trung cấp giao thông vận tải (Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên)

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu chung:

- Hàng hoá phải có xuất xứ rõ ràng, sản xuất năm 2025 và mới 100% chưa qua sử dụng.

- Nhà thầu cam kết khi giao hàng phải bàn giao đầy đủ các giấy tờ sau:

+ Chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O do cơ quan thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp và giấy chứng nhận chất lượng C/Q - đối với hàng hoá nhập khẩu;

Hoặc Giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng – đối với hàng hoá sản xuất trong nước;

+ Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt.

- Giá dự thầu đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyện, nhập khẩu (nếu có), đào tạo chuyển giao công nghệ, bảo hành, bảo trì và toàn bộ các chi phí khác có liên quan.

b) Yêu cầu kỹ thuật cụ thể:

Đặc tính và thông số kỹ thuật cơ bản của hàng hóa được mô tả ở các bảng dưới đây:

ĐẶC TÍNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN	
A. Xe ô tô tải thùng – Số lượng: 2 xe	
I. THÔNG TIN CƠ BẢN	- Chỗ ngồi: 03 người - Màu sơn: Xanh dương - Thùng xe được đóng mới đảm bảo các quy định về đào tạo lái xe của Chính phủ. - Xe phải có đầy đủ các chứng nhận kiểm định về ATKT &BVMT đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ theo quy định. Được nhà máy sản xuất, thiết kế là xe ô tô tập lái được cơ quan có thẩm quyền công nhận

II. THÔNG SỐ KỸ THUẬT		
1. Kích thước:		
Kích thước tổng thể	mm	(6.600 x 1.860 x 2.555)+/-200
Kích thước lọt lòng thùng	mm	(4.500 x 1.700 x 1.670)+/-200 - Có mui cứng, vách thùng tôn kẽm. - Sàn thùng thép cán sóng dày 1.2mm. - Đà ngang thùng thép dày 2,0mm, chấn biên dạng Omega cao 55mm. - Hai bên hông thùng có ô lưới thông thoáng, vách ngoài thùng tôn kẽm. - Phía sau thùng mở 1 bửng sau, phía trên để trống. - Trong thùng có 2 hàng ghế có thể gấp gọn được, ghế có bọc nệm. - Xe có trang bị thắng phụ phục vụ đào tạo lái xe. - Các chi tiết còn lại theo tiêu chuẩn Nhà máy.
Chiều dài cơ sở	mm	3.400 +/-100
Chiều rộng cabin	mm	1.740+/-20
Khoảng sáng gầm xe	mm	160+/-10
Vệt bánh trước sau	mm	(1.470/1.270)+/-15
2. Khối lượng		
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế	Kg	4.995+/-50
Khối lượng bản thân	Kg	2.450+/-50
3. Khung gầm- Động cơ		
Loại		Diesel, 4 kỳ, 4 xilanh thẳng hàng
Dung tích sylanh	Cc	2.497
Công suất cực đại	Ps/rpm	130/3.800
Momen xoắn cực đại	N.m/rpm	255/1.500-3.500
4. Hộp số		M6AR1, 06 số tiến, 01 số lùi
6. Lốp trước/ sau		6.50R16/5.50R13
7. Bán kính vòng quay	mm	6.900
8. Thể tích bình nhiên liệu	Lít	65
9. Tổng quan ngoại thất		
Mặt ga-lăng	Mạ Crom	
Cản trước/đèn cản	Trang bị đèn sương mù	
Đèn trước	Đèn Halogen tích hợp đèn báo rẽ	
Gương chiếu hậu	Gương đôi, gương cầu lồi	
10. Tổng quan nội thất		
Bảng điều khiển táp-lô:	Có	
Điều hòa tiêu chuẩn	Có	

Radio + USB (MP3), giắc cắm điện 12V.	Có
Phanh tay+ Phanh phụ	Có
Hệ thống phanh	Thủy lực, Trước đĩa/ sau tang trống, trợ lực chân không, có ABS và ESC. - Có hệ thống phanh phụ, kết cấu chắc chắn đảm bảo theo quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Được nhà máy sản xuất, thiết kế là xe ô tô tập lái được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

B. Xe ô tô 47 chỗ – Số lượng: 01 xe		
1. Thông tin chung		
Số chỗ ngồi		47 chỗ (45 ghế hành khách + 01 ghế lái + 01 ghế phụ)
Kiểu dáng		Base
Nhiên liệu		Dầu
Xuất xứ		Lắp ráp trong nước
Tiêu chuẩn khí thải		Euro 5
2. Kích thước bên ngoài		
Kích thước tổng thể bên ngoài (D x R x C) (mm)		10.900 x 2.500 x 3.480
Chiều dài cơ sở (mm)		6.000
Chiều dài đầu xe (mm)		2.015/2.885
3. Kích thước bên trong		
Chiều cao lọt lòng khoang hành khách (mm)		1.900
Chiều rộng lối đi (mm)		420
Bước ghế (mm)		750
Chiều cao hầm hành lý (mm)		840
Chiều cao bậc lên xuống đầu tiên mặt đất (mm)		400
4. Khối lượng		
Khhối lượng không tải (kg)		10.530
Khối lượng toàn tải (kg)		13.985
Tải trọng cho phép trục trước (kg)		4.700
Trải trọng cho phép trục sau (kg)		9.700
5. Động cơ – Truyền động		
Động cơ	Công suất cực đại (Ps/rpm)	270-300/2.100
	Moment cực đại (N.n/rpm)	1.000-1.200/1.000-1.700

	Mức tiêu thụ nhiên liệu (Lít/100km)	21-22
	Quạt làm mát động cơ	Quạt điện
Hộp số kiểu loại		FAST6MT
Cầu sau: tỷ số truyền		4.33
Lốp xe: quy cách		275/70R22.5
Mâm xe: vật liệu/quy cách		Thép/7.5 x 22.5
6. Khung gầm		
Hệ thống phanh chính (trước/sau)		Tang trống
Hệ thống phanh phụ		Phanh khí xả
Hệ thống treo bầu hơi		DOMBETTER
Hệ thống treo giảm chấn		BIRKOM
Hệ thống lái:		trợ lực thủy lực
Thùng nhiên liệu: Vật liệu/Thể tích (lít)		Nhôm/200
Hệ thống điều hòa: Công suất (kcal/h)/Vị trí máy nén		28.000/Trên động cơ
Chất liệu bọc ghế		Simily
7. Các tiện ích khác		**Theo tiêu chuẩn nhà sản xuất**

Lưu ý:

- Mọi tên model, chủng loại, thương hiệu bất kỳ nào xuất hiện tại mục này (kể cả trong trường hợp không có thuật ngữ hoặc tương đương phía sau) chương này đều chỉ mang tính tham khảo, không mang ý nghĩa bắt buộc. Nhà thầu có thể chào theo các model, chủng loại, thương hiệu đó hoặc bất kỳ model, chủng loại, thương hiệu khác nhưng phải đáp ứng bằng (tức là tương đương) hoặc cao hơn các điều kiện kỹ thuật quy định ở trên;

- Thuật ngữ "hoặc tương đương" tại E-HSMT này được hiểu là tương đồng về tiêu chuẩn sản xuất, công nghệ chế tạo, tính năng - hiệu quả - hiệu suất sử dụng…...;

- Trường hợp nhà thầu chào hàng hoá có thông số kỹ thuật tương đương, Nhà thầu phải có tài liệu chứng minh tính tương đương của thông số kỹ thuật, hàng hoá đó.

- Đối với thông số kỹ thuật về kích thước và khối lượng tịnh của hàng hóa chỉ mang tính chất tương đối.

1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu phải có đại lý hoặc trung tâm bảo hành có khả năng sẵn sàng để thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế, khắc phục các hư hỏng, sai sót trong vòng 24 giờ, kể từ khi

nhận được yêu cầu của chủ đầu tư.

- Thời gian bảo hành: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất nhưng xe ô tô bảo hành tối thiểu 36 tháng hoặc 100.000 km tùy điều kiện nào đến trước.
- Đảm bảo chất lượng, kỹ thuật trước khi đưa vào sử dụng.
- Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ cho đại diện của Chủ đầu tư.
- Nhà thầu có trách nhiệm hỗ trợ Chủ đầu tư trong quá trình đăng ký, đăng kiểm xe.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Kiểm tra số lượng và chất lượng hàng hóa khi giao hàng.
- Kiểm tra sự phù hợp của hàng hóa cung cấp với các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật của hồ sơ mời thầu.
- Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư trước ít nhất là 02 ngày trước khi tiến hành bàn giao hàng hoá.